



Thông báo Chính sách dành cho CBNV của Top 5 Doanh nghiệp thuộc những ngành thu nhập cao

Mã văn bản: 20240104_ThongbaoCSdanhchoCBNVTop5DNthuocnhungnganhThunhapcao

Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ VinFast xin thông báo Chính sách dành cho CBNV của Top 5 Doanh nghiệp thuộc những ngành thu nhập cao.

1. Thời gian áp dụng: Áp dụng từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/03/2024.

2. Chính sách chi tiết như sau:

a. Đối tượng áp dụng:

- CBNV của các ngành nghề sau:

STT	Ngành nghề	Số lượng Doanh nghiệp	Ghi chú
1	Kinh doanh Bất động sản	5	
2	Hàng Không	4	
3	Dầu khí	5	
4	Ngân hàng	5	Đối với CBNV thuộc BIDV, Techcombank, MB Bank, MCredit, Khách hàng được chọn chính sách Top 5 Doanh nghiệp, hoặc chính sách đã ban hành cho các ngân hàng này.
5	Chứng khoán	5	
6	FMCG	10	Riêng FMCG có 12 ngành hàng chi tiết và có các đối tác có hợp tác với Tập đoàn (Pepsi, Coca-Cola) nên đề xuất áp dụng.
7	Công nghệ thông tin - Viễn thông	5	
8	Fintech và bán lẻ	5	

- Danh sách các doanh nghiệp mục tiêu được liệt kê chi tiết như sau:

STT	Ngành nghề	Mức	Tên doanh nghiệp	Tỉnh thành	Xếp hạng VNR500	Mã số thuế	Năm thành lập
1	Kinh doanh Bất động sản	1.1	Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	An Giang	54(B2/2023)-117(B1/2023)	1600169024	18/09/1998
		1.2	Công ty Cổ phần Tập đoàn BIM (BIM Group)	Quảng Ninh	70(B2/2023)-145(B1/2023)	5701942544	01/01/2018
		1.3	Công ty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa	Đồng Nai	71(B2/2023)-149(B1/2023)	3600283394	07/09/1989
		1.4	Công ty CP Tập đoàn Ecopark	Hưng Yên	77(B2/2023)-157(B1/2023)	0101395308	01/01/2003
		1.5	Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital	Hồ Chí Minh	103(B2/2023)-200(B1/2023)	0311315789	01/01/2011
2	Hàng không	2.1	Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Hà Nội	Không trong danh sách	0100107518	30/06/2010
		2.2	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Hà Nội		0102325399	23/07/2007
		2.3	Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	Hồ Chí Minh		0311271771	24/10/2011
		2.4	Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	Bình Định		0107867370	31/05/2017
3	Dầu khí	3.1	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Hà Nội	3(B1/2023)	0100107370	01/01/1956
		3.2	Tổng Công ty Thương Mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP	Bình Dương	61(B1/2023)	3700146458	01/01/1991
		3.3	Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân Đội (MIPEC)	Hà Nội	58(B2/2023)-124(B1/2023)	0101436307	22/12/2003
		3.4	Công ty Cổ phần phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam	Hồ Chí Minh	134(B1/2023)	0304998686	23/05/2007
		3.5	Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	Hà Nội	168(B1/2023)	0101463614	09/06/1994
4	Ngân hàng	4.1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Hà Nội	6(B1/2023)	0100686174	26/03/1988
		4.2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Hà Nội	12(B1/2023)	0100111948	26/03/1988
		4.3	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Hà Nội	13(B1/2023)	0100112437	01/04/1963
		4.4	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Hà Nội	4(B2/2023)-17(B1/2023)	0100233583	12/08/1993
		4.5	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Hồ Chí Minh	11(B2/2023)-27(B1/2023)	0301103908	21/12/1991
5	Chứng khoán	5.1	Công ty CP Chứng khoán VPS	Hà Nội	82(B2/2023)-171(B1/2023)	0104979904	01/01/2006
		5.2	Công ty CP Chứng khoán VNDirect	Hà Nội	113(B2/2023)-212(B1/2023)	0102065366	01/01/2006
		5.3	Công ty CP Chứng khoán SSI	Hồ Chí Minh	119(B2/2023)-224(B1/2023)	0301955155	01/12/1999
		5.4	Công ty CP Chứng khoán Kỹ Thương	Hà Nội	148(B2/2023)-275(B1/2023)	0102935813	01/09/2008
		5.5	Công ty CP Chứng khoán TP Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	190(B2/2023)-333(B1/2023)	0302910950	01/01/2003
6	FMCG	6.1	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Hồ Chí Minh	7(B2/2023)-21(B1/2023)	0300588569	20/08/1976
		6.2	Công ty CP hàng tiêu dùng Masan	Hồ Chí Minh	23(B2/2023)-51(B1/2023)	0302017440	04/01/1996

		6.3	Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Hồ Chí Minh	37(B1/2023)	0300583659	01/06/1977
		6.4	Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	Hồ Chí Minh	56(B1/2023)	0300816663	01/01/1991
		6.5	Công ty TNHH Nestle Việt Nam	Hồ Chí Minh	87(B1/2023)	3600235305	01/03/1995
		6.6	Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	Hồ Chí Minh	39(B1/2016)	0300762150	01/01/1995
		6.7	Công ty TNHH Procter & Gamble Việt Nam	Bình Dương	146(B1/2014)	3700232756	01/01/1994
		6.8	Công ty CP Acecook Việt Nam	Hồ Chí Minh	119(B1/2022)	0300808687	15/12/1993
		6.9	Công ty TNHH Calofic	Quảng Ninh	81(B1/2022)	5700101362	01/01/1996
		6.10	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	Hà Nội	67(B1/2023)	0101216069	01/01/1985
7	Công nghệ thông tin - Viễn thông	7.1	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân Đội	Hà Nội	5(B1/2023)	0100109106	01/06/1989
		7.2	Công ty Cổ phần FPT	Hà Nội	13(B2/2023)-30(B1/2023)	0101248141	13/09/1988
		7.3	Tập đoàn bưu chính Viễn thông Việt Nam	Hà Nội	23(B1/2023)	0100684378	09/01/2006
		7.4	Tổng Công ty Viễn Thông Mobifone	Hà Nội	49(B1/2023)	0100686209	16/04/1993
		7.5	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	Hà Nội	94(B2/2023)-188(B1/2023)	0100244112	26/05/1993
8	Fintech và bán lẻ	8.1	Công ty Cổ phần Dịch vụ di động trực tuyến (Momo)	Hồ Chí Minh		0305289153	26/10/2007
		8.2	Công ty TNHH Shopee	Hà Nội	140(B1/2023)	0106773786	08/2016
		8.3	Lazada Logistics Việt Nam	Hồ Chí Minh		0308808576	03/2012
		8.4	Công ty CP Giải pháp Thanh toán Việt Nam - VNPAY	Hà Nội		0102182292	03/2007
		8.5	Công ty Cổ phần thế giới di động	Hồ Chí Minh		0306731335	03/2004

- Áp dụng đồng thời các chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty con của Tập đoàn, Doanh nghiệp trong danh sách.
- Áp dụng cho CBNV ký hợp đồng chính thức tại thời điểm mua xe của Doanh nghiệp.

b. Nội dung chính sách:

- Ưu đãi thêm 2% cho các đối tượng trên so với Chính sách bán lẻ hiện hành.

STT	Dòng xe	Mức ưu đãi
1	Các dòng xe ô tô điện	2%
2	Các dòng xe máy điện	5%

- Hình thức ưu đãi: Giảm trực tiếp vào giá bán xe tại thời điểm mua xe (xe mua pin và xe thuê pin).
- Sản phẩm áp dụng: Ô tô điện và xe máy điện (bao gồm cả xe thuê pin và xe kèm pin).

- Phạm vi áp dụng: Khách hàng tiêu dùng cuối tại các Showroom và Nhà Phân Phối ủy quyền của VinFast.

c. Điều kiện áp dụng:

- Áp dụng cho Khách hàng mua xe và được xuất hóa đơn trong thời gian hiệu lực của chính sách.
- Trong trường hợp VinFast không cung cấp đủ xe trong thời gian hiệu lực của chính sách, Khách hàng có lựa chọn như sau:
 - Được giữ chính sách tại thời điểm cọc;
 - Chọn chính sách mới tại thời điểm xuất hóa đơn.
- Áp dụng đồng thời với các chính sách ưu đãi hiện hành, trừ khi được quy định không được áp dụng đồng thời theo điều kiện của từng chính sách.
- Mức ưu đãi được tính trên giá bán lẻ niêm yết sau khi đã trừ đi các chương trình ưu đãi khác nếu có, căn cứ theo chính sách VinFast công bố tại từng thời điểm.
- Mỗi Khách hàng cá nhân được mua tối đa 02 xe ô tô điện và 02 xe máy điện/năm.
- Khách hàng được mua xe cho bản thân, vợ/chồng, tử thân phụ mẫu, hoặc con cái.
- Nếu Khách hàng là người đứng tên xe, cần cung cấp xác nhận nhân viên của Công ty dựa theo mẫu “Cam kết tuân thủ điều kiện ưu đãi mua ô tô/xe máy điện VinFast” do VinFast cung cấp (cần phải có xác nhận và dấu mộc đỏ của Công ty).
- Nếu Khách hàng không phải là người đứng tên xe, cần cung cấp xác nhận nhân viên của Công ty dựa theo mẫu “Cam kết tuân thủ điều kiện ưu đãi mua ô tô/xe máy điện VinFast” do VinFast cung cấp (cần phải có xác nhận và dấu mộc đỏ của Công ty), và bản chứng thực của giấy tờ chứng minh quan hệ nhân thân.
- Khách hàng phải đăng ký xe chính chủ.
 - Đối với ô tô điện, sau khi xuất hóa đơn, Khách hàng thực hiện ký “Giấy đề nghị mượn xe đi đăng ký” (theo mẫu được ban hành).
 - Đối với ô tô điện, sau khi Khách hàng nộp lại Bản công chứng biên lai nộp thuế trước bạ và photo giấy hẹn đăng ký, hoặc bản công chứng đăng ký xe, Showroom/Nhà Phân Phối sẽ chính thức bàn giao xe cho Khách hàng.
 - Đối với xe máy điện, không yêu cầu ký “Giấy đề nghị mượn xe đăng ký”, không yêu cầu nộp lại công chứng biên lai nộp thuế trước bạ và photo giấy hẹn đăng ký, hoặc bản công chứng đăng ký xe.
- Các giấy tờ Khách hàng cần cung cấp nêu trên cần được chứng thực với thời gian không quá 30 ngày trước ngày xuất hóa đơn.

d. Lưu ý:

- Xe bán theo Chương trình này được ghi nhận vào thưởng hoàn thành chỉ tiêu bán lẻ theo tháng/quý/năm của khối Kinh doanh và Nhà phân phối.
- Các chính sách khác không thay đổi

Vui lòng liên hệ Showroom và Nhà Phân Phối để có thêm thông tin chi tiết.

Hotline: 1900 23 23 89